

Số: 82/QĐ-TCĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

VP.UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số:.....  
ĐẾN Ngày: 06/03/2023  
Chuyên: 1.TH  
Số và ký hiệu HS:.....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC XUẤT GẠO DỰ TRỮ QUỐC GIA HỖ TRỢ HỌC SINH**  
**học kỳ II năm học 2022-2023**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dự trữ Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-BTC ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý hàng dự trữ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao nhiệm vụ cho các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực xuất cấp (không thu tiền) gạo dự trữ quốc gia, vận chuyển, giao cho các tỉnh tại trung tâm quận, huyện, thị xã, thành phố để hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2022-2023 theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và Quyết định số 241/QĐ-BTC ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2022-2023.

- Chi tiết các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực xuất gạo và địa phương nhận gạo theo phụ lục đính kèm.

- Thời hạn hoàn thành giao nhận gạo đến hết ngày 15/4/2023.

**Điều 2.** Các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực có trách nhiệm:

1. Báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh sớm có kế hoạch phân bổ, tiếp nhận để kịp thời giao gạo cho học sinh thuộc đối tượng được hỗ trợ; phối

hợp với các Sở, Ban, ngành của địa phương tổ chức triển khai thực hiện việc giao, nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh theo đúng quy định.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ gạo học kỳ II, trường hợp số lượng gạo địa phương phân bổ, tiếp nhận thấp hơn so với quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước thì cấp theo số tiếp nhận của địa phương; trường hợp số lượng gạo địa phương phân bổ, tiếp nhận cao hơn so với quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước thì cấp theo số Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quyết định; đồng thời, đề nghị địa phương có văn bản báo cáo Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) để quyết định cấp bổ sung, bảo đảm phù hợp với thời gian học kỳ II và trong năm học 2022-2023.

2. Việc giao, nhận gạo hỗ trợ học sinh thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 51/2020/TT-BTC ngày 02/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ; văn bản số 15777/BTC-TCĐT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính về thực hiện hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2019 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Vụ trưởng các Vụ: Quản lý hàng dự trữ, Kế hoạch, Tài vụ - Quản trị, Khoa học và Công nghệ bảo quản và Cục trưởng các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND các tỉnh (phối hợp, thực hiện);
- Bộ Tài chính (Vụ NSNN);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, Vụ QLHDT (80b) /.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**La Văn Thịnh**



Phụ lục

**XUẤT GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số 82/QĐ-TCDT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước)

ĐVT: Lượng (kg)

STT	Địa phương nhận gạo (Tỉnh)	Số gạo nhập kho năm 2022 hỗ trợ học kỳ II (kg)	Đơn vị xuất gạo	
			Số lượng gạo nhập kho năm 2022 (kg)	Cục DTNN KV
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>33.508.995,7</b>	<b>33.508.995,7</b>	
1	Hòa Bình	865.680	865.680	Hà Nội
2	Sơn La	3.557.880	3.557.880	Tây Bắc
3	Điện Biên	3.282.990	3.282.990	
4	Lai Châu	1.530.060	1.530.060	
5	Hà Giang	4.120.300,7	4.120.300,7	Hoàng Liên Sơn
6	Tuyên Quang	975.000	975.000	
7	Yên Bái	2.142.300	1.454.292,3 688.007,7	Vĩnh Phú
8	Lào Cai	2.083.380	2.083.380	
9	Phú Thọ	281.250	281.250	
10	Bắc Giang	208.910	208.910	Hà Bắc
11	Lạng Sơn	1.892.340	1.892.340	
12	Bắc Kạn	781.200	781.200	Bắc Thái
13	Cao Bằng	2.070.000	2.070.000	
14	Thái Nguyên	270.000	270.000	
15	Quảng Ninh	55.440	55.440	Đông Bắc
16	Thanh Hóa	654.645	654.645	Thanh Hóa
17	Nghệ An	1.830.000	1.830.000	Nghệ Tĩnh
18	Quảng Trị	531.750	531.750	Bình Trị Thiên
19	Quảng Bình	216.750	216.750	
20	Thừa Thiên Huế	14.940	14.940	

STT	Địa phương nhận gạo (Tỉnh)	Số gạo nhập kho năm 2022 hỗ trợ học kỳ II (kg)	Đơn vị xuất gạo	
			Số lượng gạo nhập kho năm 2022 (kg)	Cục DTNN KV
21	Quảng Nam	883.770	883.770	Đà Nẵng
22	Quảng Ngãi	934.320	934.320	Nghĩa Bình
23	Bình Định	90.795	90.795	
24	Ninh Thuận	198.000	198.000	Nam Trung Bộ
25	Bình Thuận	3.585	3.585	
26	Phú Yên	52.500	52.500	
27	Khánh Hòa	74.760	74.760	
28	Gia Lai	646.740	646.740	Bắc Tây Nguyên
29	Kon Tum	847.080	847.080	
30	Lâm Đồng	113.400	113.400	Nam Tây Nguyên
31	Đắk Lắk	960.000	960.000	
32	Đắk Nông	582.060	582.060	
33	Bình Phước	195.000	195.000	Đông Nam Bộ
34	Tây Ninh	9.000	9.000	
35	Long An	20.520	20.520	TP. Hồ Chí Minh
36	Trà Vinh	7.800	7.800	Cửu Long
37	Bến Tre	127.740	127.740	
38	Vĩnh Long	3.750	3.750	
39	Cà Mau	8.220	8.220	Tây Nam Bộ
40	Sóc Trăng	235.140	235.140	
41	Kiên Giang	147.000	147.000	
42	Hậu Giang	3.000	3.000	